

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Hà Nội - Tháng 03 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3-4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5-6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9-36

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

Công ty hoạt động theo “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần” với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 05 năm 2015 và sửa đổi gần nhất ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên viết tắt của Công ty là HFC.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là: 145.000.000.000 đồng tương đương với 14.500.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Vốn Nhà nước là 74.772.000.000 đồng tương đương với 51,567% Vốn Điều lệ.
- Vốn của các tổ chức, cá nhân khác là 70.228.000.000 đồng tương đương với 48,433% Vốn Điều lệ.

Toàn bộ số cổ phần 14.500.000 là cổ phần phổ thông.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Các công ty con được hợp nhất:

- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua;
- Công ty Cổ phần Thương Mại Lãng Yên

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KÊ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong suốt năm tài chính 2017 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

**Hội đồng quản trị**

+ Ông Nguyễn Tiến Vượng	Chủ tịch (bổ nhiệm tháng 4/2017)
+ Bà Trần Thị Diễm Hương	Chủ tịch (miễn nhiệm tháng 4/2017)
+ Ông Ngô Đức Long	Thành viên
+ Ông Chu Việt Cường	Thành viên
+ Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên
+ Bà Lương Thị Khánh	Thành viên (bổ nhiệm tháng 4/2017)

**Ban Giám đốc**

+ Ông Ngô Đức Long	Giám đốc
+ Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc
+ Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc
+ Ông Nguyễn Đăng Trường	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/10/2017)
+ Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/10/2017)

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết: Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 do Công ty lập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



**Ngô Đức Long**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018

Số: 305/2018/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội và các công ty con (gọi chung là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2017, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Tại thời điểm 31/12/2017, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị là 1.492.600.305VNĐ đã quá hạn thanh toán trên 03 năm. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến việc lập dự phòng phải thu cho các khoản này;
- Một số khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2017 có nợ gốc là 4.500.000.000 đồng đã quá hạn thanh toán. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến việc lập dự phòng giảm giá cho các khoản phải thu này. Trong năm, Công ty đã trích lãi dự thu đối với các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn trên với số tiền là 1.046.875.000 đồng;
- Dự án đầu tư “Siêu thị thương mại dịch vụ Bắc Qua” đã tạm dừng thi công từ ngày 01/11/2013 và đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này Dự án này vẫn tạm ngừng thi công. Việc tạm dừng triển khai dự án dẫn đến chậm đưa dự án vào khai thác, sử dụng và dẫn đến thiếu hụt nguồn thu để thanh toán cho các khoản công nợ phải trả nhà thầu, tiền vay, tiền thuê đất, tiền lãi liên quan đến Dự án này.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)****Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Tài Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0133-2018-137-1

Giấy UQ số 05/2015/UQ-CPAVIETNAM

ngày 10/10/2015 của Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018*

**Đỗ Thị Thu Hương**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1417-2018-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>88.764.601.902</b>	<b>73.379.774.615</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>6.025.998.762</b>	<b>5.432.702.940</b>
1. Tiền	111		6.025.998.762	5.432.702.940
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư TC ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>36.200.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		36.200.000.000	35.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>31.680.617.502</b>	<b>20.785.988.045</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.03</b>	12.954.344.392	6.788.132.300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.266.833.805	1.651.053.648
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	4.500.000.000	4.500.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	8.134.439.305	7.846.802.097
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(175.000.000)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>14.620.265.693</b>	<b>11.198.670.993</b>
1. Hàng tồn kho	141		14.620.265.693	11.198.670.993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>237.719.945</b>	<b>962.412.637</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	13.396.010
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.788.097	21.204.242
3. Thuế và các khoản phải thu NN	153		211.931.848	927.812.385
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>134.660.578.000</b>	<b>146.143.346.194</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>69.203.588</b>	<b>112.479.959</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		69.203.588	112.479.959
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>64.878.065.593</b>	<b>76.257.009.086</b>
<b>I. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.07</b>	<b>64.842.033.593</b>	<b>76.211.577.086</b>
- Nguyên giá	222		119.122.620.504	126.313.509.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.280.586.911)	(50.101.932.276)
<b>2. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.08</b>	<b>36.032.000</b>	<b>45.432.000</b>
- Nguyên giá	228		227.000.000	227.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(190.968.000)	(181.568.000)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.09</b>	<b>58.436.444.904</b>	<b>57.819.134.177</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		58.436.444.904	57.819.134.177
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>7.141.229.709</b>	<b>6.448.460.462</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.041.229.709	6.348.460.462
3. Đầu tư dài hạn khác	253		100.000.000	100.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.135.634.206</b>	<b>5.506.262.510</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	4.135.634.206	5.506.262.510
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>223.425.179.902</b>	<b>219.523.120.809</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>76.983.440.654</b>	<b>84.384.859.140</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>39.240.596.833</b>	<b>50.289.506.577</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	6.215.618.953	8.023.289.356
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		34.873.564	311.628.273
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	313	V.12	8.364.720.161	8.513.452.660
4. Phải trả người lao động	314		1.199.863.174	1.534.551.901
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		27.522.204	47.003.865
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	508.772.728	1.154.227.275
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.347.568.913	11.570.081.308
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	21.067.712.634	18.349.491.966
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		473.944.502	785.779.973
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37.742.843.821</b>	<b>34.095.352.563</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11	19.773.253.570	19.773.253.570
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		8.919.671.660	8.919.671.660
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	3.172.212.723	4.080.615.999
7. Phải trả dài hạn khác	337		1.651.200.000	669.200.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	4.226.505.868	652.611.334
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>146.441.739.248</b>	<b>135.138.261.669</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>146.441.739.248</b>	<b>135.138.261.669</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		145.000.000.000	145.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		285.291.856	285.291.856
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(466.433.001)	(466.433.001)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		727.683.808	727.683.808
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(20.383.643.898)	(31.506.549.427)
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		21.278.840.483	21.098.268.433
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>223.425.179.902</b>	<b>219.523.120.809</b>

Người lập biểu

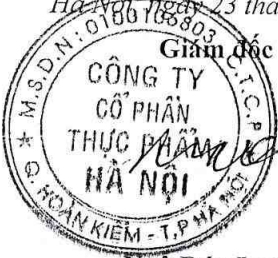
*Phùng Thị Thúy*

Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng

*Nguyễn Kim Huyền*

Nguyễn Kim Huyền

Hà Nội ngày 23 tháng 03 năm 2018  
 Giám đốc  
  
*Ngô Đức Long*  
 Ngô Đức Long



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2017

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	180.600.758.794	172.913.252.081
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		110.474.377	42.555.021
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		180.490.284.417	172.870.697.060
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	130.478.267.876	142.364.793.236
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>20</b>		<b>50.012.016.541</b>	<b>30.505.903.824</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.650.418.357	2.702.668.571
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.513.312.176	1.246.444.548
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.400.771.353	1.246.444.548
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(380.280.007)	(701.579.456)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	19.368.766.108	19.517.395.253
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	22.184.852.208	23.946.099.235
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>10.215.224.399</b>	<b>(12.202.946.097)</b>
12. Thu nhập khác	31		4.608.164.426	3.751.106.586
13. Chi phí khác	32		2.489.279.732	7.157.953.080
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.118.884.694</b>	<b>(3.406.846.494)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>12.334.109.093</b>	<b>(15.609.792.591)</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		919.631.512	456.455.541
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>11.414.477.581</b>	<b>(16.066.248.132)</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		11.172.335.530	(13.653.843.242)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		242.142.050	(2.412.404.890)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	771	N/A
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		N/A	(942)

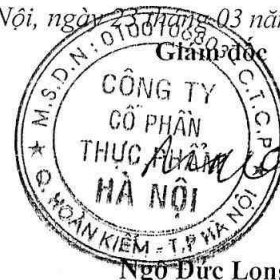
Người lập biểu

Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Huyền

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018



Ngô Đức Long

Mẫu số B 03-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	12.334.109.093	(15.609.792.591)
2 Điều chỉnh cho các khoản		8.912.178.219	8.974.112.692
- Khấu hao TSCĐ	02	7.336.406.866	7.727.668.144
- Các khoản dự phòng	03	175.000.000	
- Chi phí lãi vay	06	1.400.771.353	1.246.444.548
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước thay đổi	08	21.246.287.312	(6.635.679.899)
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(10.894.629.457)	185.688.750
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(3.421.594.700)	471.315.559
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phí	11	(12.847.498.900)	(2.195.131.559)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.384.024.314	(770.989.221)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.400.771.353)	(1.246.444.548)
- Thuế thu nhập đã nộp	15	(1.173.336.078)	(1.566.658.932)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(345.673.960)	(324.313.959)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.453.192.822)	(12.082.213.809)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài l	21	(489.132.182)	(2.719.261.393)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dà	22		277.272.727
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khá	23	(1.200.000.000)	
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn	24		4.500.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.443.505.624	2.698.222.948
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.754.373.442	4.756.234.282
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	125.604.849.833	78.732.336.740
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(119.312.734.631)	(70.487.135.476)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.860.000.000)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	6.292.115.202	3.385.201.264
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	593.295.822	(3.940.778.263)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.432.702.940	9.373.481.203
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.025.998.762	5.432.702.940

Người lập biểu

Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Huyền

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2018



Ngô Đức Long

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

Công ty hoạt động theo “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần” với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 05 năm 2015 và sửa đổi gần nhất ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên viết tắt của Công ty là HFC.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là: 145.000.000.000 đồng tương đương với 14.500.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Vốn Nhà nước là 74.772.000.000 đồng tương đương với 51,567% Vốn Điều lệ.
- Vốn của các tổ chức, cá nhân khác là 70.228.500.000 đồng tương đương với 48,433% Vốn Điều lệ.

Toàn bộ số cổ phần 14.500.000 là cổ phần phổ thông.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội..

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (không bao gồm thuốc lá ngoại);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và các hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;

- Dịch vụ đồ uống;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kho bãi lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.

### 3. Cấu trúc công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết như được liệt kê dưới đây:

Công ty con, công ty liên kết		Tỷ lệ sở hữu	Quyền biểu quyết
01. Công ty CP TMDV Bắc Qua	Công ty con	53,00%	53,00%
02. Công ty TM Lãng Yên	Công ty con	51,00%	51,00%
03. Công ty CP SXKD Gia súc Gia Cầm	Công ty liên kết	37,04%	37,04%
04. Công ty CP Ẩm thực Hà Nội	Công ty liên kết	27,6%	27,6%
05. Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro	Công ty liên kết		

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán

Các kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

###### ***Công ty con***

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

###### ***Lợi ích cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của công ty mẹ trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chỉ hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

###### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

###### ***Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất***

Các số dư trong nội bộ Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

###### **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

###### **Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

###### **Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31/12/2017.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31/12/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá – 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập BCTC hợp nhất

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2017	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	22.665 VND/USD	22.735 VND/USD

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định

đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

#### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

##### **a. Nguyên tắc kế toán**

###### **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ

khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

#### Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...  
Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### **b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

#### **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

#### **Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng thành viên tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng thành viên tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.

- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

#### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

#### **Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN/HN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền mặt		
Tiền gửi ngân hàng	3.006.092.602	1.518.459.649
- Tiền gửi VND	3.019.906.160	3.914.243.291
- Tiền gửi ngoại tệ	3.014.424.195	3.908.452.217
	5.481.965	5.791.074
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.025.998.762</b>	<b>5.432.702.940</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/17</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng BIDV)	24.000.000.000	24.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng ACB)	12.200.000.000	12.200.000.000	13.500.000.000	13.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng Eximbank)	-	-	22.000.000.000	22.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.200.000.000</b>	<b>36.200.000.000</b>	<b>35.500.000.000</b>	<b>35.500.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN/HN

**b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Phương pháp vốn CSH	Giá trị hợp lý	Phương pháp vốn CSH	Giá trị hợp lý
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	5.354.767.820	-	5.787.634.161	-
Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro	140.000.000	-	140.000.000	-
Công ty CP Âm Thực Hà Nội	473.412.635	-	420.826.301	-
Công ty CP SXCB thực phẩm HN	1.073.049.254	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.041.229.709</b>	<b>-</b>	<b>6.348.460.462</b>	<b>-</b>

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**c. Đầu tư vào đơn vị khác**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Thủy sản Kiên Giang	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN/HN

**3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH du lịch và thương mại	842.670.752	-	842.670.752	-
Công ty CP Tiến Đông	189.348.940	-	189.348.940	-
Công ty Long Thịnh	-	-	225.000.000	-
Công ty TNHH TM và XNK Kids Plaza	638.061.303	-	-	-
Công ty CP BIBOMART	636.344.791	-	-	-
Công ty CP TM và DV DLH Lan Hạ	6.000.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần Quản lý đầu tư và Khách hàng khác	524.334.059	-	-	-
<i>Trung tâm Thương Mại Vân Hồ</i>	4.040.182.047	-	166.593.433	-
<i>Trung tâm kinh doanh bán buôn Văn phòng Công ty</i>	511.695.838	-	5.281.116.675	-
<i>Xi nghiệp Sản xuất Chế biến TPTH</i>	2.416.841.119	-	573.037.071	-
<i>Khách sạn Á Đông</i>	902.645.273	-	2.513.280.626	-
<i>Chuỗi Cửa hàng tiện ích Hapro Food</i>	132.000.000	-	662.190.827	-
<i>Các đối tượng khác</i>	76.999.817	-	127.015.315	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.402.500</b>	<b>-</b>	<b>83.402.500</b>	<b>-</b>
	<b>12.954.344.392</b>	<b>-</b>	<b>6.788.132.300</b>	<b>-</b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty CP Phát triển Siêu thị Hà Nội	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN/HN

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Đặt cọc tiền mua hàng HTX Sông Công	175.000.000	175.000.000	175.000.000	-
- Nguyễn Quốc Hùng	2.218.984.415	-	1.960.064.415	-
- Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	-	-	23.647.177	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam	118.630.021	-	454.992.463	-
- Công ty CP phát triển TM và du lịch	84.673.333	-	84.673.333	-
- Công ty CP SXKD gia súc gia cầm	1.826.819.446	-	947.444.446	-
- Công ty CP phát triển Siêu thị Hà	257.554.555	-	112.804.555	-
- Tiền thuê đất 55 Mã Mây	390.660.940	-	-	-
- Phải thu khác	800.779.412	-	2.501.172.761	-
- Tạm ứng	2.261.337.183	-	1.587.002.947	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.134.439.305</b>	<b>175.000.000</b>	<b>7.846.802.097</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.373.000	-	590.418.346	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	17.756.843	-
Thành phẩm	-	-	51.053.243	-
Hàng hóa	14.610.892.693	-	10.539.442.561	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.620.265.693</b>	<b>-</b>	<b>11.198.670.993</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN/HN

**7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<i>Dư đầu năm</i>	106.729.345.226	11.034.837.534	5.817.951.648	2.731.374.954	126.313.509.362
<i>Tăng trong năm</i>	1.189.505.575	70.000.000	308.958.182	110.174.000	1.678.637.757
- Mua trong năm	-	70.000.000	308.958.182	110.174.000	489.132.182
- XD/CB hoàn thành	1.189.505.575	-	-	-	1.189.505.575
<i>Giảm trong năm</i>	3.954.439.661	4.226.585.448	365.531.142	322.970.364	8.869.526.615
- Cơ cấu lại xí nghiệp Lệ Chi	3.954.439.661	4.226.585.448	365.531.142	322.970.364	8.869.526.615
<i>Dư cuối năm</i>	103.964.411.140	6.878.252.086	5.761.378.688	2.518.578.590	119.122.620.504
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Dư đầu năm</i>	36.915.120.841	6.087.974.036	4.828.337.154	2.270.500.245	50.101.932.276
<i>Tăng trong năm</i>	5.987.469.749	730.631.708	500.441.107	108.464.302	7.327.006.866
- Khấu hao trong năm	5.987.469.749	730.631.708	500.441.107	108.464.302	7.327.006.866
<i>Giảm trong năm</i>	926.550.400	1.630.928.449	332.785.644	258.087.738	3.148.352.231
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Cơ cấu lại xí nghiệp Lệ Chi	926.550.400	1.630.928.449	332.785.644	258.087.738	3.148.352.231
<i>Dư cuối năm</i>	41.976.040.190	5.187.677.295	4.995.992.617	2.120.876.809	54.280.586.911
<b>Giá trị còn lại</b>					
<i>Đầu năm</i>	69.814.224.385	4.946.863.498	989.614.494	460.874.709	76.211.577.086
<i>Cuối năm</i>	61.988.370.950	1.690.574.791	765.386.071	397.701.781	64.842.033.593

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN/HN

**8. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá	-	-	-	227.000.000	227.000.000
Dư đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Dư cuối năm	-	-	-	227.000.000	227.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-
Dư đầu năm	-	-	-	181.568.000	181.568.000
Tăng trong năm	-	-	-	9.400.000	9.400.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-	9.400.000	9.400.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Dư cuối năm	-	-	-	190.968.000	190.968.000
Giá trị còn lại	-	-	-	45.432.000	45.432.000
Đầu năm	-	-	-	36.032.000	36.032.000
Cuối năm	-	-	-	36.032.000	36.032.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN/HN

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Dự án 459 Bạch Mai	1.239.269.981	1.239.269.981
Dự án 26 Cao Thắng	6.488.194.893	5.992.654.644
Dự án 253 Phố Vọng	2.068.594.048	2.068.594.048
Nhà kho 164 - 166 Tựu Liệt	-	1.193.866.013
Công trình Siêu thị TMDV Bắc Qua	44.592.417.132	43.650.174.468
Tòa nhà thương mại HFC Lãng Yên	3.931.683.358	3.558.289.531
Các công trình khác	116.285.492	116.285.492
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>58.436.444.904</u></b>	<b><u>57.819.134.177</u></b>

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Chi phí lợi thế kinh doanh	758.037.512	861.406.264
Chi phí quyền sử dụng đất	-	1.128.578.036
Chi phí khác	3.377.596.694	3.516.278.210
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>4.135.634.206</u></b>	<b><u>5.506.262.510</u></b>

HFC/SC - 11/18



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN/HN

**12. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước**

	<u>Đầu năm</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	169.313.905	2.577.095.637	2.572.207.564	174.201.978
Thuế TNDN	434.455.541	919.631.512	1.173.336.078	180.750.975
Thuế TNCN	84.114.897	146.292.318	217.678.767	12.728.448
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	7.008.802.775	11.585.966.638	11.007.997.754	7.586.771.659
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	816.765.542	46.903.777	453.402.218	410.267.101
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.513.452.660</b>	<b>15.275.889.882</b>	<b>15.424.622.381</b>	<b>8.364.720.161</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN/HN

	31/12/2017	01/01/2017
<b>13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
<b>TTTT Vân Hồ</b>	<b>322.777.419</b>	<b>362.189.444</b>
Công ty Siêu thị VHSC	307.777.419	344.124.231
Tiền đặt cọc của CBCNV	15.000.000	17.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	1.065.213
<b>Trung tâm kinh doanh bán buôn</b>	<b>126.718.120</b>	<b>62.000.000</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	126.718.120	62.000.000
<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>687.268.874</b>	<b>10.964.068.597</b>
Nguyễn Kim Thu	-	202.616.606
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	149.372.815	149.372.815
Lợi nhuận chưa phân phối 6 tháng đầu năm 2014	162.982.687	162.982.687
Tiền thuế TNCN còn được hoàn theo quyết toán thuế	-	2.301.622
Thù lao đại diện vốn (Tổng Công ty)	73.923.423	97.570.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (Công ty CP và TM dịch vụ DLH Lan Hạ)	-	10.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và PT Hạ tầng TM Hà Nội	-	190.316.870
Công ty CP Phát triển Siêu thị HN	-	33.000.000
Tiền đặt cọc sửa chữa văn phòng tại 51 Lê Đại Hành	-	100.000.000
Thù lao đại diện vốn 2017	213.600.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	87.389.949	25.907.397
<b>XN Chế biến thực phẩm TH</b>	<b>-</b>	<b>680.000</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	680.000
<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>210.804.500</b>	<b>181.143.267</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	210.804.500	181.143.267
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.347.568.913</b>	<b>11.570.081.308</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN/HN

{1} Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 13-10/2016/HĐTDHM/NHCT106-TPHN ngày 13/10/2016; hạn mức tín dụng là 28.000.000.000 đồng, lãi suất xác định bằng tiết kiệm huy động trả sau cộng 3,5%; tại thời điểm hợp đồng là 7%, lãi vay được điều chỉnh một tháng 1 lần; năm được tính theo cơ sở 360 ngày.

{2} Khoản vay theo hợp đồng 1260LAV201600123 ngày 16/06/2016; hạn mức 18.000.000.000 đồng, lãi suất thả nổi được quy định trong từng giấy nhận nợ trên cơ sở năm 360 ngày.

**b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn VND	4.226.505.868	4.226.505.868	-		652.611.334	652.611.334
Vietinbank {3}	500.118.668	500.118.668		152.492.666	652.611.334	652.611.334
Agribank {4}	2.726.387.200	2.726.387.200	2.726.387.200		-	-
Phạm Thị Thanh Hiền	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000		-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.226.505.868</b>	<b>4.226.505.868</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>652.611.334</b>	<b>652.611.334</b>

{3} Khoản vay theo hợp đồng 23-3/2016-HĐTDANHCT106-TPHN ngày 13/10/2016; hạn mức là 900.000.000 đồng; mục đích là cải tạo nhà kh tại số 164-166 Tựu Liệt, Thanh Trì, Hà Nội, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ; năm được tính trên cơ sở 360 ngày.

{4} Khoản vay theo hợp đồng số 160LAV201700266 ký ngày 23/11/2017; hạn mức vay là 9.800.000.000 đồng; mục đích khoản vay là đầu tư xây dựng dự án 'Cửa hàng thương mại dịch vụ Đồng Xuân'; Thời hạn cho vay là 72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN/HN

**16. Vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu*

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2016	143.627.504.974	(976.433.001)	-	156.147.405	(11.885.042.443)	24.030.973.005	154.953.149.93
- Tăng vốn trong năm trước	1.372.495.026		285.291.856				1.657.786.88
- Trích quỹ				571.536.403	(1.107.663.742)	(30.299.682)	(566.427.02
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	510.000.000			(4.860.000.000)	(490.000.000)	(4.840.000.00
- Lỗ năm trước	-				(13.653.843.242)	(2.412.404.890)	(16.066.248.13
Số dư ngày 31/12/2016	145.000.000.000	(466.433.001)	285.291.856	727.683.808	(31.506.549.427)	21.098.268.433	135.138.261.66
Số dư ngày 01/01/2017	145.000.000.000	(466.433.001)	285.291.856	727.683.808	(31.506.549.427)	21.098.268.433	135.138.261.66
- Lãi trong năm	-				11.172.335.530	242.142.050	11.414.477.58
- Giảm khác	-				(49.430.001)	(61.570.001)	(111.000.00
Số dư ngày 31/12/2017	145.000.000.000	(466.433.001)	285.291.856	727.683.808	(20.383.643.898)	21.278.840.483	146.441.739.24

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	31/12/2017	01/01/2017
<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>74.772.000.000</b>	<b>74.772.000.000</b>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	74.772.000.000	74.772.000.000
<b>Cổ đông chiến lược</b>	<b>31.900.000.000</b>	<b>31.900.000.000</b>
Công ty CP Tập đoàn Đá quý Doji	31.900.000.000	31.900.000.000
<b>Cổ đông khác</b>	<b>38.328.000.000</b>	<b>38.328.000.000</b>
Công ty CP Chứng khoán Phố Wall	5.000.000.000	5.000.000.000
Trần Quốc Tuấn	10.990.000.000	10.990.000.000
Nguyễn Đăng Trường	10.000.000.000	10.000.000.000
Cán bộ công nhân viên	2.027.000.000	2.027.000.000
Khác	10.311.000.000	10.311.000.000
<b>Cộng</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>145.000.000.000</b>

*c. Các giao dịch về vốn*

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	145.000.000.000	145.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	<b>145.000.000.000</b>	<b>145.000.000.000</b>

*d. Cổ phiếu*

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.500.000	14.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.500.000	14.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.500.000	14.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	140.973.152.762	152.342.757.476
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.627.606.032	20.570.494.605
<b>Tổng cộng</b>	<b>180.600.758.794</b>	<b>172.913.252.081</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ	130.478.267.876	142.364.793.236
<b>Tổng cộng</b>	<b>130.478.267.876</b>	<b>142.364.793.236</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.443.505.624	2.698.222.948
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	206.912.733	
Lãi chênh lệch tỷ giá		67.501,0
Doanh thu hoạt động tài chính khác		4.378.122
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.650.418.357</b>	<b>2.702.668.571</b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.400.771.353	1.246.444.548
Lãi bán hàng trả chậm, CK thanh toán	112.531.079	
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.744	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.513.312.176</b>	<b>1.246.444.548</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	8.110.071.046	9.835.713.934
Chi phí vật liệu, bao bì	92.165.646	60.611.994
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	97.779.820	132.209.481
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.678.408.278	1.871.504.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.030.943.988	4.415.951.195
Chi phí khác bằng tiền	3.359.397.330	3.201.404.171
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.368.766.108</b>	<b>19.517.395.253</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.782.993.734	6.534.168.865
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	58.679.124	76.606.294
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.539.390.051	5.198.083.764
Tiền thuê đất	6.491.180.918	6.859.307.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.420.154.332	1.560.619.677
Chi phí khác bằng tiền	3.892.454.049	3.717.312.643
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.184.852.208</b>	<b>23.946.099.235</b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 0 VND và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 14.500.000 cổ phiếu.

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.619.764.767	4.373.274.098
Chi phí nhân công	14.084.430.851	16.739.733.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.615.687.130	7.727.668.144
Thuế, phí và lệ phí	8.928.934.203	7.324.458.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.109.710.650	6.688.463.952
Chi phí khác bằng tiền	7.571.596.049	7.629.768.129
<b>Tổng cộng</b>	<b>48.930.123.650</b>	<b>50.483.367.162</b>

**9. Ảnh hưởng của kết quả kinh doanh do thay đổi phương pháp ghi nhận doanh thu**

Căn cứ vào các tài liệu pháp lý liên quan đến tài sản gắn liền với đất thuê tại số 112 phố Huế, phường Ngô Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng và căn cứ các quy định hiện hành, Công ty CP Thực phẩm Hà Nội được phép chuyển nhượng tài sản trên đất gắn liền với đất thuê tại địa điểm trên.

Căn cứ vào Công văn số 342/TTg-V1 ngày 07/03/2017 của Thủ tướng Chính phủ và công văn số 1151/UBND-KT của UBND thành phố Hà Nội ngày 15/03/2017 về việc tạm dừng thực hiện thủ tục bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007, các cơ quan chức năng liên ngành của TP Hà Nội thống nhất báo cáo UBND thành phố chưa xem xét việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê tại địa điểm trên.

Căn cứ vào Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 22/12/2017 (kèm theo Hợp đồng đặt cọc số 21/2016/HĐĐC/TPHN-LH ngày 16/03/2016 về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê tại 112 Phố Huế) và căn cứ vào khoản 1.6 Điều 79 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Công ty ghi nhận doanh thu hoạt động này vào năm 2017 là hoạt động cho thuê tài sản và ghi nhận doanh thu theo phương pháp ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước.

Chênh lệch về doanh thu và lợi nhuận cho năm tài chính 2017 nếu ghi nhận theo phương pháp này so với phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê như sau (Đơn vị: Đồng):

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

TT Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp ghi nhận một lần	Phương pháp phân bổ	Chênh lệch
		(3)	(4)	(5)=(3-4)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp	01	180.600.758.794	164.600.758.794	16.000.000.000
2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	12.334.109.093	(2.945.171.171)	15.279.280.264

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**2. Các bên liên quan**

**a. Các bên liên quan**

*a) Bên liên quan*

Bên liên quan	Quan hệ	Tỷ lệ sở hữu	Quyền biểu quyết
01. Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	Công ty mẹ	51,57%	51,57%
02. Công ty CP TMDV Bắc Qua	Công ty con	53,00%	53,00%
03. Công ty TM Lãng Yên	Công ty con	51,00%	51,00%
04. Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	Công ty liên kết	37,04%	37,04%
05. Công ty CP Ẩm thực Hà Nội	Công ty liên kết	27,6%	27,6%
06. Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro	Công ty liên kết		

**b. Số dư với các bên liên quan**

Khoản mục	Ghi chú	31/12/2017	01/01/2017
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		<b>3.500.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>
03. Công ty CP SXKD Gia Súc Gia cầm		3.500.000.000	3.500.000.000
<b>Phải thu khác</b>		<b>1.826.819.446</b>	<b>947.444.446</b>
03. Công ty CP SXKD Gia Súc Gia cầm		1.826.819.446	947.444.446
04. Tổng Công ty Thương mại Hà Nội			23.647.177

**c. Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm nay	Năm trước
<b>Phải thu khác (tiền lãi cho vay)</b>	<b>879.375.000</b>	<b>52.500.000</b>
03. Công ty CP SXKD Gia Súc Gia cầm	879.375.000	52.500.000
<b>Bên liên quan mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>1.192.400.008</b>	<b>1.285.623.615</b>
02. Công ty CP Ẩm thực Hà Nội	1.192.400.008	1.085.363.621
03. Công ty CP SXKD Gia Súc Gia cầm		49.009.994
04. Tổng Công ty Thương mại Hà Nội		151.250.000
<b>Bên liên quan thanh toán tiền mua hàng, dịch vụ</b>	<b>1.192.400.008</b>	<b>1.175.073.618</b>
02. Công ty CP Ẩm thực Hà Nội	1.192.400.008	1.126.063.618
03. Công ty CP SXKD Gia Súc Gia cầm		49.010.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**3. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

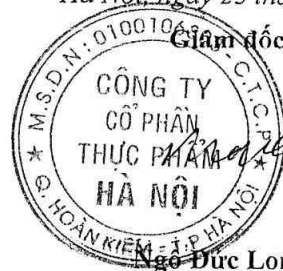
Người lập biểu

Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Huyền

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Đức Long

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 30 tháng 3 năm 2018.



Nguyễn Thị Thu Thủy